TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Lan.
2. Ông Trần Minh Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 246/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980 (Vắng mặt, có đơn).
Địa chỉ: Thôn A, xã TB, huyện T, Bình Định.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1981 (Vắng mặt lần 02).
Địa chỉ: Thôn A, xã TB, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: chị và anh Phạm Văn M tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp nhận tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB vào ngày 15/12/2015. Sau khi cưới chị và anh Phạm Văn M sống hạnh phúc được gần 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do chị và anh M tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên kình cãi, xúc phạm nhau. Đến tháng 6/2016 vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy không còn tình cảm yêu thương gì, chị yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn M.

- Về con chung: chị và anh Phạm Văn M chưa có con chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Phạm Văn M vắng mặt không có lý do: anh Phạm Văn M đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 22/5/2023, C an xã B cung cấp: anh Phạm Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã TB, huyện T, tỉnh Bình Định; anh M làm ăn xa thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình, sinh sống tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đa phần đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn có một vài vi phạm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Phạm Văn M. Về con chung: không có con chung nên miễn xét. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh Phạm Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C với anh Phạm Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB vào ngày 15/12/2015 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, hai bên bất đồng nhiều trong cuộc sống mà không giải quyết được dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa. Chị C và anh M đã cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến

nhau từ tháng 6/2016. Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng anh M vẫn bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị C yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị C và anh M chưa có con chung không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Nguyễn Thị C nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007959 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị C đã nộp đủ án phí.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9 và 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Phạm Văn M.

- Về con chung: chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0007959 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị C đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam